X. PHẨM LỢI ÍCH
(*ĀNISAṂSAVAGGA*)

I. KINH SỰ XUẤT HIỆN (*Pātubhāvasutta*) (*A.* III. 441)

96. Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời. Thế nào là sáu?

Sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời; sự xuất hiện của người thuyết giảng Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết khó tìm được ở đời; sự tái sanh trong Thánh xứ[124] khó tìm được ở đời; không khiếm khuyết các căn[125] khó tìm được ở đời; không si mê, không câm ngọng khó tìm được ở đời; ước muốn thiện pháp khó tìm được ở đời.

Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời.

II. KINH CÁC LỢI ÍCH (*Ānisaṃsasutta*) (*A.* III. 441)

97. Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu. Thế nào là sáu?

Sự quyết định đối với Diệu pháp (*Saddhammaniyato*) không bị thối đọa, không bị đau khổ; làm các việc bị sanh tử[126] hạn chế; thành tựu trí tuệ; không cùng chia sẻ với các dị sanh;[127] nguyên nhân được khéo thấy, và các pháp do nhân sanh được khéo thấy.

Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu.

III. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*) (*A.* III. 441)

98. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là thường còn, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận,[128] sự kiện này không xảy ra. Không thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định,[129] sự kiện này không xảy ra. Không nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.

---

[124] *Ariyāyatane. AA.* III. 414: *Ariyāyataneti majjhimadese* ("Trong Thánh xứ" tức chỉ cho vùng Trung Ấn, nơi bắt nguồn của đạo Phật).

[125] *Indriyānaṃ avekallatā.*

[126] *Pariyantakatassa dukkhaṃ na hoti.*

[127] *Asādhāraṇena ñāṇena samannāgato.*

[128] *Anulomikāya khantiyā.*

[129] *Sammattaniyāmaṃ okkamissati.*

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiện này có xảy ra. Thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra. Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra.

IV. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*A*. III. 442)

99. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là lạc, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

V. KINH VÔ NGÃ (*Anattasutta*) (*A*. III. 442)

100. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là ngã, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

VI. KINH NIẾT-BÀN (*Nibbānasutta*) (*A*. III. 442)

101. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy Niết-bàn là khổ, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiện này không xảy ra... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

VII. KINH KHÔNG AN TRÚ (*Anavatthitasutta*)[130] (*A*. III. 443)

102. Thấy được sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô thường, không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu?

Tất cả hành hiện ra với tôi (*me khāyissanti*), không có an trú; ý của tôi không ưa thích tất cả thế giới; ý của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế giới; ý của tôi sẽ nghiêng về Niết-bàn; các kiết sử của tôi đi đến đoạn diệt; và tôi sẽ thành tựu tối thượng Sa-môn hạnh.

Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô thường, không có hạn chế trong tất cả hành.

VIII. KINH ĐÃ RÚT KIẾM RA (*Ukkhittāsikasutta*) (*A*. III. 443)

103. Thấy được sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng khổ, không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu?

Trong tất cả hành, tưởng nhàm chán sẽ được an trú trong tôi, ví như kẻ giết người đang đưa dao lên chém; ý của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế giới; tôi sẽ trở thành một người thấy được tịnh lạc trong Niết-bàn; các tùy miên trong tôi sẽ được nhổ lên; tôi sẽ là người đã làm các việc nên làm; tôi sẽ với từ tâm hầu hạ[131] bậc Đạo sư.

Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng khổ, không có hạn chế trong tất cả hành.

---

[130] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (103, 104) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Without Reserve*, nghĩa là *Không duy trì*.

[131] *Paricinno bhavissati mettāvatāya.*

IX. KINH KHÔNG DỰ PHẦN TRONG ẤY (*Atammayasutta*) (*A.* III. 444)

104. Thấy được sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô ngã, không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu?

Trong tất cả thế giới, tôi sẽ không dự phần vào trong ấy; cái gì tạo ra cái "tôi" trong tôi sẽ được chặn đứng; cái gì tạo ra cái "của tôi" trong tôi sẽ được chặn đứng; tôi sẽ thành tựu trí không cùng chia sẻ với người khác;[132] nguyên nhân được tôi khéo thấy; và các pháp do nhân sanh được tôi khéo thấy.

Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô ngã, không có hạn chế trong tất cả hành.

X. KINH HỮU (*Bhavasutta*) (*A.* III. 444)

105. Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này[133] cần phải đoạn tận, cần phải được học tập trong ba học pháp. Thế nào là ba hữu cần phải đoạn tận? Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Ba hữu này cần phải đoạn tận.

Ba học pháp nào, cần phải học tập? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Ba học pháp này, cần phải học tập.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đã đoạn tận ba hữu này, đã học tập trong ba học pháp này, Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa kiết sử do chơn chánh thực hiện quán kiêu mạn (*mānābhisamayā*), đã đoạn tận khổ đau.

XI. KINH KHÁT ÁI (*Taṇhāsutta*) (*A.* III. 445)

106. Này các Tỷ-kheo, ba khát ái và ba mạn này cần phải đoạn diệt. Thế nào là ba khát ái cần phải đoạn diệt? Dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Ba khát ái này cần phải đoạn diệt.

Thế nào là ba mạn cần phải đoạn diệt? Mạn, tùy mạn, quá mạn. Ba mạn này cần phải đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đã đoạn tận ba khát ái và ba mạn này, vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa kiết sử, do chơn chánh hiện quán kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.

---

[132] *Asādhāraṇena ca ñāṇena.*

[133] Xem *D.* III. 216, 219.